TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **154** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương - Cán bộ hưu.
Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 12/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2022 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Thọ, xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

-Bị đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Bình An, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

Hiện nay đi nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Ngô Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị H quen nhau khi lao động tại Đài Loan. Anh chị đã quen và yêu nhau được hơn 02 năm thì anh chị về Việt Nam tổ chức lễ cưới, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/01/2018 tại UBND xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng lại sang Đài Loan ngay để đi làm. Khi sang Đài Loan được 03 tháng thì vợ chồng phát sinh muâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau, anh và chị Huệ sang

Đài Loan nhưng không ở gần nhau. Nay xác định tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị H.

- Về con chung: Không có con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về công nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là chị H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị H đến nay không nhận được thông tin của chị H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của chị H là ông Lương Văn Quang- sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn Bình An, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B, ông Quang có quan điểm trình bày như sau:

Ông là bố đẻ của chị H có địa chỉ như trên, hiện nay chị H đang đi lao động tại Đài Loan được khoảng 02 năm và vẫn liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của chị H ở nước ngoài, ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để chị H gửi quan điểm về thì gia đình ông từ chối thực hiện. Việc anh T xin ly hôn, chị H có biết nhưng không có ý kiến gì. Anh T và chị H có mâu thuẫn với nhau nhưng mâu thuẫn như thế nào ông không nắm được. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có. Về thời gian địa điểm mở phiên tòa thì ông sẽ thông báo cho chị H được biết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Lương Thị H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Lương Thị H.Về con chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: anh T không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Ngô Văn T là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với chị Lương Thị H. Bị đơn chị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Bình An, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh B nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 13493/QLXNC-P5 ngày 29/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 21/10/2019, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị H. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228, điểm b, khoản 1, Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Ngô Văn T và chị Lương Thị H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Văn T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T cho rằng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau chị H không hợp tác Hội đồng xét xử thấy: Hiện anh Ngô Văn T và chị Lương Thị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh T và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Lương Thị H.

[4]. Về con chung: Anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn T được ly hôn chị Lương Thị H.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000479 ngày 15/6/2022 của Cục thi hành án dân tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Lương Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Ngô Văn T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường